TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247a/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh D, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1984; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Yến N, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1991; Nơi cư trú: Ấp PLB, xã LPT, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn anh Nguyễn Minh D trình bày: Anh với chị Đặng Thị Yến N cưới nhau vào năm 2010, trước khi tiến hôn nhân thì anh và chị N có tìm hiểu trước rồi mới cưới, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã LPT, tỉnh Đồng Tháp).

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà, không có tiếng nói chung vợ chồng thường bất đồng ý kiến, cũng có cãi nhau thường xuyên, đôi khi có đánh nhau và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã hết nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Đặng Thị Yến N. Về nuôi con chung: Anh đồng ý giao 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2016 cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với chị Đặng Thị Yến N đã được Toà án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Nguyễn Minh D được ly hôn với chị Đặng Thị Yến N; Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2016 cho chị N nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu nên không buộc anh D cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Anh D trình bày tự thỏa thuận, còn chị N không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đặng Thị Yến N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh D và chị Đặng Thị Yến N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Minh D đối với chị Đặng Thị Yến N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của anh D thì giữa anh và chị N thời gian đầu cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh

phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà, không có tiếng nói chung vợ chồng thường bất đồng ý kiến, cũng có cãi nhau thường xuyên, đôi khi có đánh nhau và cả hai đã không còn sống chung từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh D và chị N hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Nguyễn Minh D ly hôn với chị Đặng Thị Yến N.

[4] Về việc nuôi con chung: Anh Nguyễn Minh D đồng ý giao 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2016 cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo việc sinh hoạt bình thường của 02 con chung, không bị xáo trộn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, nêu chị N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì chị được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Minh D cho rằng tự thoả thuận, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Đặng Thị Yến N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Anh Nguyễn Minh D cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn chị Đặng Thị Yến N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27

của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh D. Cho anh Nguyễn Minh D được ly hôn với chị Đặng Thị Yến N.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Đặng Thị Yến N được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2011 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2016.

2.2. Anh Nguyễn Minh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000858 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh D không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã LPT, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng